

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-PT

Ngày: 16-4-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng
Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/3/2018, 09/4/2018 và 16/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Cao Minh H, sinh năm 1972 (Có mặt).

2.2. Nguyễn Mộng L, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Mộng L là ông Cao Minh H (theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018).

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Mộng L, ông Cao Minh H là bị đơn trong vụ án.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Phạm Văn B trình bày: Ngày 26-5-2016, ông B có cho ông H và bà L vay số tiền là 5.800.000.000đ, hai bên có làm biên nhận nợ, thời hạn trả là 02 ngày. Đến ngày 27-5-2016, ông H và bà L có trả cho ông B 3.800.000.000đ, còn nợ 2.000.000.000đ không có làm biên nhận nợ.

Ngày 07-6-2016, ông B có cho ông H vay số tiền 120.000.000đ, có làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả. Trong biên nhận ông Huỳnh Minh T và ông H là người vay, nhưng số tiền này là ông B cho ông H vay, ông T là thư ký của ông H đến nhận tiền thay nên ông B không yêu cầu ông T trả số tiền này. Ngày 05-8-2016, ông H và bà L có làm tờ cam kết nhận nợ số tiền là 2.120.000.000đ, hạn đến ngày 26-8-2016 sẽ hoàn trả số tiền trên nhưng đến hạn ông H và bà L không trả.

Các lần vay tiền trên, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, nhưng từ khi vay đến nay ông H không trả cho ông B.

Ngày 17-5-2017, ông H có trả cho ông B 50.000.000đ, còn nợ lại 2.070.000.000đ. Ngày 22-8-2017, ông H có trả cho ông B 170.000.000đ, còn nợ 1.900.000.000đ.

Về tiền lãi, ông B yêu cầu ông H và bà L trả lãi của số tiền vay với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính như sau:

- Số tiền 5.800.000.000đ, không tính lãi suất.

- Số tiền 2.000.000.000đ, tính lãi từ ngày 27-5-2016 đến ngày 06-6-2016 (10 ngày), thành tiền: $2.000.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 10 \text{ ngày} = 11.066.000đ$.

- Số tiền 2.120.000.000đ, tính lãi từ ngày 07-6-2016 đến ngày 17-5-2017 (11 tháng 10 ngày), thành tiền: $2.120.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 398.412.000đ$.

- Số tiền 2.070.000.000đ, tính lãi từ ngày 18-5-2017 đến ngày 22-8-2017 (03 tháng 04 ngày), thành tiền: $2.070.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 03 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 108.667.000đ$.

- Số tiền 1.900.000.000đ, tính lãi từ ngày 23-8-2017 đến ngày 23-9-2017 (01 tháng), thành tiền: $1.900.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 31.540.000đ$.

Tổng tiền lãi là 549.685.000đ.

Nay ông Phạm Văn B yêu cầu ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm trả cho ông B số tiền vốn là 1.900.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 23-9-2017 là 549.685.000đ, tổng tiền vốn và lãi là 2.449.685.000đ (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn), ông B yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số tiền vốn 1.900.000.000đ từ ngày 24-9-2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra giữa ông B với ông H, bà L không có thỏa thuận nào khác. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa hai bên ông B có nhận của ông H số tiền lãi là 83.200.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Văn B yêu cầu ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L trả số tiền gốc còn thiếu là 1.900.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66%/tháng, đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận là 83.200.000đ.

- Bị đơn Cao Minh H và Nguyễn Mộng L trình bày: Trước đây giữa ông H, bà L có thỏa thuận vay của ông B số tiền 5.800.000.000đ để đáo nợ Ngân hàng. Sau khi vay đưa trả lại cho ông B 3.800.000.000đ. Lúc này hai bên thỏa thuận sẽ làm giấy tờ nhà xong ông B sẽ đưa lại số tiền 3.800.000.000đ để rút hồ sơ về Văn phòng đăng ký QSDĐ làm giấy tờ nâng giá trị đất lên để vay lại số tiền nhiều hơn trả lại cho ông B. Sau khi hoàn thành việc đóng thuế và xin giấy phép xây dựng xong, ông B không giao số tiền 3.800.000.000đ nên không vay tiền Ngân hàng thêm được và đến giờ vẫn còn thiếu ông B số tiền 1.900.000.000đ.

Khi thỏa thuận vấn đề trên thì ông B có thỏa thuận lấy phí làm hồ sơ là 120.000.000đ và đã giao cho ông B xong. Việc thỏa thuận giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm giấy tờ.

Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm ông H, bà L đồng ý trả vốn còn thiếu là 1.900.000.000đ, khấu trừ số tiền 120.000.000đ đã đưa cho ông B còn

lại đồng ý trả là 1.780.000.000đ, không đồng ý trả lãi vì phía ông B đã không làm theo thỏa thuận.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Các biên nhận vay tiền.

- Chứng cứ bị đơn cung cấp: Giấy phép xây dựng và giấy nộp tiền Ngân sách nhà nước.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn B.

- Buộc ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn B số tiền còn thiếu là 1.900.000.000đ và lãi 552.589.200đ, tổng cộng là 2.452.589.200đ (hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn hai trăm đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về án phí:

- Ông Phạm Văn B không phải chịu án phí dân sự. Trả lại cho ông Phạm Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.497.000đ theo biên lai thu số 00336 ngày 16-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L phải chịu số tiền 81.051.780đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L kháng cáo không đồng ý trả cho ông Phạm Văn B số tiền vốn và lãi là 2.452.589.200đ mà chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền sau khi trừ còn 1.780.000.000đ. Ông H, bà L không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Viện trưởng Viện kiểm sát thành phố C có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/01/2018 đề nghị Tòa án Tỉnh xem xét lại vụ án

theo thủ tục phúc thẩm sửa phần nội dung: Thời hạn tính lãi từ ngày 26/8/2016, áp dụng mức lãi suất 0,83% và số tiền 120.000.000đ mà ông H, bà L đã đưa ông B khấu trừ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Ông H, bà L kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền 1.780.000.000đ không đồng ý chịu lãi và cũng không đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; đồng thời thừa nhận không cung cấp thêm được chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông B cho vay tiền có làm biên nhận nhưng biên nhận không ghi lãi suất, khi khởi kiện ông trình bày lãi suất cho vay là 3%/tháng, tại cơ quan Công an thành phố C thì ông khai lãi suất là 9%/tháng, tại phiên tòa phúc thẩm ông B trình bày chỉ thỏa thuận mức lãi suất trong ngày 26/5/2016 và ngày 27/5/2016 là 2,5%/ngày đối với số tiền 5.800.000.000đ; trong khi đó bị đơn khai việc vay có phí, không có tính lãi. Như vậy, việc vay này là có lãi, vì bị đơn có trả phí nên đây là hình thức trả lãi, nhưng không xác định được lãi suất và có tranh chấp về lãi suất; vì vậy cần điều chỉnh lại là 10%/năm tương đương với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Theo ông B chỉ thừa nhận có nhận của ông H tiền lãi là 83.200.000đ, nhưng tại cơ quan Công an thành phố C ông B thừa nhận có nhận số tiền lãi của ông H đưa là 130.000.000đ, sự thừa nhận này đã thể hiện lời khai của ông H đã đưa 120.000.000đ là có sơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cho rằng ông bị ép buộc ký biên bản đối chiếu nợ, nhưng ông cũng không có trình báo hoặc khiếu nại việc ông cho rằng có sự ép buộc của Điều tra viên và ông cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh.

Về thời điểm tính lãi: Tính từ thời điểm vay và khấu trừ dần các lần trả vốn, lãi 120.000.000đ ông B đã nhận.

Do đó đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà L; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát thành phố C; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Mộng L ủy quyền cho ông Cao Minh H theo Văn bản ủy quyền số 01/2018-SCT/CKĐC ngày 26/3/2018 là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[2] Ông B và ông H đều thống nhất việc ông H vay tiền của ông B thể hiện tại biên nhận vay ngày 26/5/2016 với số tiền là 5.800.000.000đ; đồng thời ông H cũng thừa nhận có ký biên nhận vay ngày 07/6/2016 và đã nhận của ông H số tiền là 120.000.000đ, đến ngày 05/8/2016 ông H làm tờ cam kết hẹn đến ngày 26/8/2016 trả số tiền 2.120.000.000đ. Ông H đã trả được vốn gốc gồm: Ngày 27/5/2016 trả 3.800.000.000đ, ngày 17/5/2017 trả 50.000.000đ, ngày 22/8/2017 trả 170.000.000đ. Nay ông B yêu cầu ông H, bà L trả số tiền vốn là 1.900.000.000đ và tính lãi từ ngày 27/5/2016 với lãi suất là 1,66%/tháng. Ông H không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông B.

[3] Về lãi suất và cách tính lãi :

Đối với yêu cầu của ông H: Ông H kháng cáo không đồng ý chịu tiền lãi vay như án sơ thẩm xử, trường hợp tính lãi thì yêu cầu áp dụng mức lãi suất 7%/năm theo như ông vay tiền của ngân hàng là có một phần cơ sở. Vì tại biên bản đối chiếu nợ và thỏa thuận trả nợ ngày 18/10/2016, ngày 16/11/2016 của Công an thành phố C, ông H trình bày: *“Tôi muốn nâng lên đất thổ cư (gồm 04 giấy CNQSDĐ) để được vay tiền nhiều hơn ngân hàng Á Châu nên anh B gợi ý kêu tôi lấy 04 giấy đất ra để làm thủ tục nâng lên đất thổ cư, 04 giấy đất này thế chấp vay ở Ngân hàng Agribank Tp C số tiền 3.600.000.000đ (trong tổng số 5.500.000.000đ). Lúc này tôi đưa cho anh B số 130.000.000đ gồm tiền lãi 03 ngày khoản vay 3.800.000.000đ là 52.000.000đ (lãi suất 9%/tháng), còn lại 77.800.000đ là chi phí để anh B làm thủ tục nâng lên đất thổ cư và hoàn thiện thủ tục nhà đất cho tôi”*. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận không chứng minh được việc ông B thỏa thuận làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Hơn nữa, ông H cho rằng ông B nhận của ông 120.000.000đ (nhận ngày 27/5/2016 nhưng không có làm biên nhận) là phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận mới; đối với số tiền 120.000.000đ mà ông nhận của ông B ngày 07/6/2016 là tiền do ông B đưa cho ông nộp thuế giùm cho ông B để cấp giấy chứng nhận mới (do ông B không đi nộp được). Thực tế biên nhận ngày

07/6/2016 ghi nội dung rõ ràng là tiền vay và ông H cũng không chứng minh được ông B là người nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận. Do đó có đủ cơ sở xác định số tiền ông H trả cho ông B 120.000.000đ là tiền lãi và số tiền 120.000.000đ ông H nhận của ông B là tiền vay, nên ông H phải có nghĩa vụ trả lãi là phù hợp pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông B: Theo đơn khởi kiện của ông trình bày lãi suất cho vay là 3%/tháng, tại biên bản đối chiếu nợ ngày 18/10/2016 và 16/11/2016 của Công an thành phố C thì khai lãi suất là 9%/tháng, tại phiên tòa phúc thẩm khai lãi suất là 2,5%/ngày. Ông H khai tại biên bản đối chiếu nợ nói trên xác định lãi suất vay là 9%/tháng, tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm thì cho rằng hai bên thỏa thuận không tính lãi nhưng ông phải trả cho ông B 120.000.000đ để ông B làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho ông. Theo lời khai của các đương sự thì có cơ sở xác định thỏa thuận vay là có lãi, nhưng lời khai của các đương sự có sự thay đổi không rõ ràng, không khớp nhau, có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng (tương ứng 50% mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) là có cơ sở.

Ông B cho rằng chỉ có nhận tiền lãi vào ngày 27/5/2016 là 52.200.000đ và 20 ngày sau nhận thêm 31.000.000đ (nhằm ngày 17/6/2016), tổng cộng là 83.200.000đ; nhưng tại biên bản đối chiếu nợ và thỏa thuận trả nợ ngày 18/10/2018, ngày 16/11/2016 của Công an thành phố C, ông thống nhất có nhận số tiền lãi 130.000.000đ, đồng thời hai bên đồng ý số tiền 52.000.000đ là lãi của khoản tiền vay 5.800.000.000đ và ông xác định số tiền còn lại 77.800.000đ đây là tiền lãi của số tiền 2.000.000.000đ trong khoản nợ 5.800.000.000đ.

Qua nội dung trên cho thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày biên bản do điều tra viên ghi nhầm số tiền 130.000.000đ, vì thực tế số tiền đúng là 120.000.000đ. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông H đã trả lãi cho ông B 120.000.000đ và sau đó có vay tiếp số tiền 120.000.000đ, nên phải điều chỉnh lại lãi suất, khấu trừ tiền lãi đã nhận, tiền vốn đã trả theo từng giai đoạn đúng quy định của pháp luật.

[4] Nghĩa vụ thanh toán:

- Tiền lãi từ ngày 26/5/2016 đến ngày 27/5/2016: $5.800.000.000đ \times 0,83\% \times 2 \text{ ngày} = 3.209.333đ$.

Khấu trừ tiền lãi đã trả: $52.200.000đ - 3.209.333đ = 48.990.667đ$

Khấu trừ tiền trả lãi thừa và tiền vốn đã trả: $5.800.000.000đ - (3.800.000.000đ + 48.990.667đ) = 1.951.009.333đ$.

- Tiền lãi từ ngày 27/5/2016 đến ngày 06/6/2016: $1.951.009.333đ \times 0,83\% \times 10 \text{ ngày} = 5.397.792đ$

- Tiền lãi từ ngày 07/6/2016 đến ngày 17/6/2016: $(1.951.009.333đ + 120.000.000đ) \times 0.83\% \times 11 \text{ ngày} = 6.302.771đ$

Khấu trừ vào tiền lãi đã trả: $67.800.000đ - (5.397.792đ + 6.302.771đ) = 56.099.437đ$.

Khấu trừ tiền trả lãi thừa vào vốn: $(1.951.009.333đ + 120.000.000đ) - 56.099.437đ = 2.014.909.896đ$.

- Tính lãi từ ngày 18/6/2016 đến ngày 17/5/2017: $2.014.909.896đ \times 0.83\% \times 10 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 183.403.813đ$.

- Khấu trừ tiền vốn đã trả: $2.014.909.896đ - 50.000.000đ = 1.964.909.896đ$. (Hai bên thống nhất 50.000.000đ là trả vốn).

- Tiền lãi từ ngày 18/5/2017 đến ngày 22/8/2017: $1.964.909.896đ \times 0.83\% \times 03 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 51.100.756đ$.

- Khấu trừ tiền vốn đã trả: $1.964.909.896đ - 170.000.000đ = 1.794.909.896đ$. (Hai bên thống nhất 170.000.000đ là trả vốn).

- Tiền lãi từ ngày 23/8/2017 đến ngày 15/12/2017: $1.794.909.896đ \times 0.83\% \times 03 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 53.135.315đ$.

- Tổng cộng vốn, lãi phải trả: $1.794.909.896đ + 183.403.813đ + 51.100.756đ + 53.135.315đ = 2.082.549.780đ$.

Ông H, bà L cùng thực hiện hợp đồng vay tiền, mục đích sử dụng để kinh doanh làm kinh tế gia đình nên phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả nợ cho ông B số tiền là 2.082.549.780đ.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà L có nghĩa vụ trả cho ông B đối với số tiền nói trên nên phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 73.650.995đ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông H, bà L đối với bản án sơ thẩm được chấp nhận một phần nên không phải chịu tiền án phí.

[6] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H, bà L; chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát thành phố C.

Đối với nội dung kháng nghị là có một phần cơ sở nên chấp nhận một phần quyết định kháng nghị như phân tích nói trên. Do đó, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát Tỉnh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát thành phố C.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L.

Sửa một phần bản án sơ thẩm

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Văn B.

Buộc ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L trả cho ông Phạm Văn B số tiền là 2.082.549.780đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Mộng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 73.650.995đ.

Ông Cao Minh H, bà Nguyễn Mộng L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0000208 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Phạm Văn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền là 40.497.000đ theo biên lai thu số 00336 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND Tp C;
- TAND Tp C;
- Chi cục THADS Tp C;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng